

Số: /KH-UBND

Bạch Thông, ngày tháng 5 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện một số nhóm nhiệm vụ hoạt động thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số trên địa bàn huyện Bạch Thông giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Quyết định 1360/QĐ-UBND ngày 30/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt Kế hoạch thực hiện một số nhóm nhiệm vụ hoạt động thuộc lĩnh vực Y tế-Dân số trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân huyện Bạch Thông xây dựng kế hoạch thực hiện trên địa bàn huyện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tiếp tục duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của Chương trình Y tế - Dân số đã đạt được trong giai đoạn trước, đồng thời đề ra các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể đối với từng hoạt động trong Chương trình để phấn đấu thực hiện và hoàn thành trong giai đoạn 2021-2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2. Nội dung hoạt động thuộc Chương trình Y tế - Dân số phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo chỉ đạo của Bộ Y tế, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện và tình hình thực tế tại địa phương.

3. Các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra bảo đảm tính khả thi, giải quyết được các vấn đề ưu tiên trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trên địa bàn.

4. Huy động sự phối hợp, tham gia của các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện kế hoạch này.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Chủ động phòng, chống dịch bệnh, phát hiện sớm, kịp thời khống chế, không để dịch lớn xảy ra. Giảm tỷ lệ mắc, tỷ lệ tử vong một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, khống chế tốc độ gia tăng các bệnh không lây nhiễm phổ biến, bệnh tật lứa tuổi học đường, bảo đảm sức khỏe cộng đồng. Nâng cao năng lực quản lý, kiểm soát an toàn thực phẩm. Bảo đảm cung cấp máu, an toàn truyền máu và phòng, chống hiệu quả một số bệnh lý huyết học. Duy trì mức sinh thay thế, hạn chế tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, cải thiện tình trạng dinh dưỡng, nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi. Tăng cường công tác kết hợp

quân dân y trong chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân vùng trọng điểm an ninh quốc phòng.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Chương trình phòng chống dịch bệnh, y tế dự phòng

2.1.1. Hoạt động phòng chống dịch bệnh

- 100% UBND cấp xã, thị trấn trên địa bàn huyện có kế hoạch phòng chống dịch bệnh.

- 100% bệnh, dịch bệnh mới nổi được phát hiện và xử lý kịp thời, hiệu quả.

- 100% các ổ dịch được phát hiện sớm và xử lý kịp thời.

- 100% các ổ dịch được chẩn đoán bằng xét nghiệm.

- 100% các vụ dịch được khoanh vùng xử lý đúng hướng dẫn.

- 100% các cơ sở khám chữa bệnh và cơ sở y tế dự phòng trên địa bàn huyện thực hiện khai báo, báo cáo bệnh truyền nhiễm chính xác, kịp thời, đầy đủ bằng phần mềm trực tuyến theo quy định của Bộ Y tế.

- 100% bệnh nhân nghèo bị phơi nhiễm với bệnh dại được tiêm vắc xin phòng bệnh dại miễn phí.

2.1.2. Hoạt động phòng chống Lao

- Giảm số người mắc bệnh lao trong cộng đồng xuống dưới 78 người trên 100.000 người dân.

- Giảm số người chết do bệnh lao xuống dưới 10 người trên 100.000 dân.

- Không chế số người mắc bệnh lao đa kháng thuốc với tỷ lệ dưới 5% trong tổng số người bệnh lao mới phát hiện.

2.1.3. Hoạt động phòng, chống bệnh Phong

- Quản lý 100% số người bệnh phong trong toàn huyện.

- 100% bệnh nhân phong tàn tật được chăm sóc tàn tật, phục hồi chức năng và tái hòa nhập cộng đồng.

- Duy trì kết quả sau loại trừ bệnh phong trong toàn huyện.

2.1.4. Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em

- 100% số xã, thị trấn quản lý bệnh nhân tâm thần phân liệt.

- 100% số xã, thị trấn quản lý bệnh nhân động kinh.

- 50% số xã, thị trấn quản lý bệnh nhân rối loạn trầm cảm.

- 100% bệnh nhân phát hiện được quản lý, điều trị theo đúng quy định của chương trình, phục hồi chức năng tại cộng đồng cho 85% số bệnh nhân tại các xã/thị trấn đã được triển khai.

2.1.5. Hoạt động phòng chống sốt rét, sốt xuất huyết và ký sinh trùng

a. Hoạt động phòng chống sốt rét

- Giảm tỉ lệ mắc sốt rét /1.000 dân xuống < 0,08.
- Không có ký sinh trùng sốt rét nội địa.
- Phân đấu đủ điều kiện đạt tỉnh loại trừ sốt rét vào năm 2022. Duy trì loại trừ sốt rét và thực hiện đề phòng sốt rét quay trở lại những năm tiếp theo.

b. Hoạt động phòng chống Sốt xuất huyết

- 100% các ca bệnh nghi sốt xuất huyết Dengue được giám sát và điều tra.
- 100% các ca bệnh được lấy mẫu bệnh phẩm xét nghiệm.
- 100% bệnh nhân nghi sốt xuất huyết Dengue được theo dõi, điều trị tại các cơ sở y tế và tại cộng đồng.

c. Hoạt động phòng, chống bệnh ký sinh trùng

- 100% học sinh trong độ tuổi tại các trường Tiểu học và Mầm non, phụ nữ trong độ tuổi sinh sản (từ 15- 45 tuổi) trên địa bàn được tẩy giun hàng năm.
- Xác định được tỷ lệ nhiễm giun sán ở các đối tượng nguy cơ cao.
- 10% người dân có yếu tố nguy cơ cao mắc bệnh giun, sán được chọn lấy mẫu phân hoặc huyết thanh để xét nghiệm tìm trứng giun, sán.

2.1.6. Hoạt động phòng chống ung thư

- 40% số người trong độ tuổi 30-54 được khám sàng lọc ung thư tuyến giáp, vú, cổ tử cung và một số ung thư khác.
- 100 % Trạm Y tế thực hiện truyền thông, tư vấn nâng cao nhận thức của người dân về phòng chống bệnh ung thư tại cộng đồng.

2.1.7. Hoạt động phòng chống bệnh Tăng huyết áp

- Khống chế tỷ lệ bị tăng huyết áp dưới 30% ở người trưởng thành.
- 50% số người trưởng thành bị tăng huyết áp được phát hiện; 85% số người phát hiện bệnh được quản lý, điều trị; 60% điều trị đạt huyết áp mục tiêu.
- 100% Trạm Y tế triển khai mô hình quản lý bệnh Tăng huyết áp theo nguyên lý Y học gia đình.

2.1.8. Hoạt động phòng chống Đái tháo đường và các rối loạn thiếu Iot

a. Hoạt động phòng chống Đái tháo đường (ĐTĐ)

- 80% người từ 30-69 tuổi được khám phát hiện tiền ĐTĐ và bệnh ĐTĐ.
- 50% số người bị bệnh ĐTĐ được phát hiện; 50% số người khám phát hiện bệnh được quản lý, điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.
- 100% Trạm Y tế triển khai mô hình quản lý bệnh ĐTĐ theo nguyên lý Y học gia đình.

b. Hoạt động phòng, chống các rối loạn do thiếu iot (CRLTI)

- Đảm bảo độ bao phủ muối iot và các chế phẩm có iot đủ tiêu chuẩn phòng bệnh đạt trên 90%.

- Điều tra, giám sát muối iot hộ gia đình bà mẹ có con < 5 tuổi, phụ nữ 18-49 tuổi đạt 60 mẫu/năm.

- Điều tra, giám sát mẫu nước tiểu hộ gia đình bà mẹ có con < 5 tuổi đạt 16mẫu/năm (3 năm/lần).

- Truyền thông trực tiếp phòng chống bệnh liên quan đến iot cho 2.500 người/năm.

- Điều tra dịch tễ bưou cổ ở trẻ 8-10 tuổi (5 năm/lần).

2.1.9. Hoạt động y tế trường học

- 100% cán bộ làm công tác y tế tại trường học và cán bộ y tế cơ sở được đào tạo tập huấn, phổ biến kiến thức về chăm sóc và bảo vệ sức khỏe học đường.

- Phân đấu đến hết 2025 trên địa bàn toàn huyện có 01 mô hình “Trường học nâng cao sức khỏe”.

2.1.10. Hoạt động tiêm chủng mở rộng

- Từ 95% trở lên trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các vắc xin theo đơn vị cấp xã.

- Bảo vệ thành quả thanh toán bại liệt, loại trừ bệnh uốn ván sơ sinh, tiến tới loại trừ bệnh Sởi và triển khai một số vắc xin mới.

- Từ 90% trở lên trẻ từ 1 đến 5 tuổi được tiêm vắc xin phòng viêm não Nhật Bản B mũi 1, 2 và mũi 3 theo đơn vị cấp xã.

- Từ 90% trở lên phụ nữ có thai được tiêm UV2+ (tiêm phòng 02 liều vắc xin uốn ván).

- Từ 90% trở lên số trẻ sơ sinh đẻ tại Bệnh viện được tiêm vắc xin viêm gan B trước 24 giờ.

- Từ 90% trở lên trẻ em đủ 18 tháng tuổi được tiêm bổ sung vắc xin MR (Sởi - Rubella) và DPT4 (Bạch hầu – ho gà – uốn ván mũi 4).

- Từ 95% trở lên trẻ em đủ 5 tháng tuổi được tiêm 1 mũi vắc xin IPV theo đơn vị cấp xã.

- Đạt từ 95% trở lên chỉ tiêu các đợt tiêm chiến dịch (nếu có triển khai).

- Đạt chỉ tiêu, kế hoạch khi triển khai tiêm vắc xin mới trong chương trình TCMR (nếu có).

- 100% các ca bệnh truyền nhiễm thuộc chương trình TCMR được điều tra, giám sát.

- Hạn chế thấp nhất số mắc và tử vong do các bệnh trong TCMR và tai biến sau tiêm chủng.

2.1.11. Hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi

- 80% người cao tuổi được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe và có khả năng tự chăm sóc.

- 80% người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ ít nhất một lần/năm và được lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khỏe.

- 90% người cao tuổi khi bị bệnh được tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

- 90% người cao tuổi không có khả năng tự chăm sóc, được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình và cộng đồng.

2.1.12. Hoạt động chăm sóc sức khỏe sinh sản

- Tỷ số tử vong mẹ/100.000 trẻ đẻ sống < 48‰.

- Tỷ suất tử vong trẻ dưới 1 tuổi/1000 trẻ đẻ sống < 12,5 ‰.

- Tỷ suất tử vong trẻ dưới 5 tuổi /1000 trẻ đẻ sống < 18,5 ‰.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ 100%.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai 4 lần trong 3 thai kỳ > 80%.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được cán bộ y tế có kỹ năng đỡ > 98 %.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ tại cơ sở y tế > 97%.

- Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh 100%.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm sàng lọc Viêm gan B, HIV, giang mai > 70 %.

- Tỷ lệ phụ nữ đẻ được xét nghiệm đái tháo đường thai kỳ > 70 %.

- Tỷ lệ phụ nữ 30-54 tuổi được sàng lọc ung thư cổ tử cung đạt 50%.

2.1.13. Hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân (cân nặng/tuổi) ở trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 10,3 %.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao/tuổi) ở trẻ dưới 5 tuổi xuống ≤ 15,0 %.

- Tỷ lệ trẻ sơ sinh được theo dõi cân nặng đạt ≥ 97%.

- Duy trì tỷ lệ trẻ sơ sinh có cân nặng thấp (dưới 2500 gam) dưới 8%.

- Tỷ lệ bú sữa mẹ hoàn toàn trong 6 tháng đầu đạt ≥ 35%.

- Tỷ lệ trẻ từ 6-60 tháng tuổi được uống bổ sung Vitamin A liều cao 2 lần/năm đạt ≥ 95%.

- Tỷ lệ bà mẹ được uống bổ sung Vitamin A liều cao trong vòng một tháng đầu sau đẻ đạt ≥ 90%.

2.1.14. Hoạt động phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng

- 70% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển.

- 100% cán bộ các tuyến tham gia chương trình được tập huấn về các nội triển khai Chương trình phục hồi chức năng cho người khuyết tật dựa vào cộng đồng.

- Trên 90% người khuyết tật được Trạm Y tế quản lý.

2.1.15. Hoạt động Vệ sinh lao động – Phòng chống bệnh nghề nghiệp

- Quản lý tối thiểu 50% cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp.
- Kiểm tra quan trắc môi trường lao động được 30% cơ sở lao động có yếu tố có hại gây bệnh nghề nghiệp.
- 100% cơ sở lao động có sử dụng Amiăng được quan trắc môi trường lao động theo quy định.

2.1.16. Hoạt động Vệ sinh môi trường - Làng sức khỏe và phòng chống Tai nạn thương tích (TNNT)

- Duy trì tỷ lệ trên 73% hộ gia đình được sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh, trên 95% hộ gia đình được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh, 30% số hộ dân được sử dụng nước sạch hợp quy chuẩn của Bộ Y tế.
- Duy trì 100% các thôn, tổ phố đã được công nhận danh hiệu “Làng sức khỏe”, “Tổ dân phố sức khỏe” đã đạt từ năm trước.

2.1.17. Phòng chống tác hại của rượu bia

- 3.125 lượt người trong cộng đồng được tiếp cận thông tin, giáo dục, truyền thông về tác hại của rượu, bia, đặc biệt là những bệnh lý phát sinh hoặc bệnh lý bị tăng nặng do sử dụng rượu, bia.
- 50% số người nghiện rượu, bia được tư vấn sàng lọc phát hiện sớm.
- 30% số người nghiện rượu, bia được tư vấn, điều trị cai nghiện và điều trị bệnh mãn tính phát sinh có liên quan đến rượu, bia.

2.1.18. Phòng chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính

- 70% người trưởng thành hiểu biết về bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản, ảnh hưởng đối với sức khỏe cộng đồng, kinh tế, xã hội của đất nước cũng như các nguyên tắc phòng, chống các bệnh.
- 100% cán bộ y tế thực hiện công tác phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản tuyến huyện và 70% cán bộ y tế tuyến xã được đào tạo, tập huấn về dự phòng, giám sát, phát hiện, chẩn đoán, quản lý, điều trị theo quy định.
- 50% số người mắc bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính được phát hiện ở giai đoạn sớm; 50% số người phát hiện bệnh được điều trị theo hướng dẫn chuyên môn.
- 50% số người bệnh hen phế quản được phát hiện và điều trị ở giai đoạn sớm, 50% số người bệnh hen phế quản được điều trị đạt kiểm soát hen trong đó 20% đạt kiểm soát hoàn toàn.
- 50% cơ sở y tế tuyến xã đủ trang thiết bị và thuốc thiết yếu theo quy định phục vụ cho dự phòng, giám sát, phát hiện, chẩn đoán, quản lý điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản.

2.1.19. Phòng chống mù lòa

- Hạ thấp tỷ lệ mù lòa trong dân số của huyện còn 0,03%.

- Khám 250 học sinh/năm để phát hiện tật khúc xạ và các bệnh mắt khác tại trường học.

2.1.20. Hoạt động truyền thông y tế

- Tăng tỷ lệ 80% người dân được tiếp cận với các thông tin về các chính sách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, thực hiện các biện pháp phòng bệnh và nâng cao sức khỏe.

- Tăng tỷ lệ 60% người dân có hiểu biết đúng và tham gia thực hiện các chương trình/hoạt động Y tế - Dân số.

- 100% chương trình/hoạt động Y tế - Dân số được truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- 50% các ngày/tháng cao điểm truyền thông sức khỏe, tuần lễ sức khỏe của thế giới, Việt Nam được truyền thông với các hình thức (Chiến dịch truyền thông, sự kiện truyền thông, cuộc thi, hội thi giao lưu truyền thông tìm hiểu kiến thức chăm sóc sức khỏe.....)

2.1.21. Hoạt động xét nghiệm

- Duy trì và nâng cao năng lực hệ thống phòng kiểm nghiệm chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm, nước dùng để ăn uống, nước sinh hoạt phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025/2005 và được đánh giá phù hợp tiêu chuẩn ISO/IEC 17025/2017.

- Duy trì cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo Quyết định số 791/QĐ-ATTP ngày 10/9/2019 của Cục An toàn thực phẩm.

- Phòng xét nghiệm chẩn đoán bệnh/dịch phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam ISO 15189:2014.

- 100% các ca bệnh truyền nhiễm nhóm A và ca bệnh nghi dịch được lấy mẫu xét nghiệm; 100% các ca bệnh truyền nhiễm thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng được lấy mẫu xét nghiệm

- 100% các xã xây dựng nông thôn mới và các xã nông thôn mới nâng cao được lấy mẫu và xét nghiệm chất lượng nước sạch theo đúng quy định.

- 100% phòng xét nghiệm y tế công lập trên địa bàn huyện được kiểm tra giám sát, hỗ trợ về công tác an toàn sinh học cấp II.

- 100% phòng xét nghiệm y tế công lập trên địa bàn huyện được kiểm tra giám sát, hỗ trợ công tác lấy mẫu, xét nghiệm chẩn đoán bệnh/dịch;

- 100% các trang thiết bị phân tích, xét nghiệm chính được hiệu chuẩn, bảo dưỡng theo đúng quy định.

2.1.22. Hoạt động giám sát, theo dõi và đánh giá thực hiện hoạt động y tế

- 100% ca bệnh, ổ bệnh, ổ dịch các bệnh truyền nhiễm được giám sát theo Thông tư 54/2015/TT-BYT ngày 28/12/2015 của Bộ Y tế.

- 100% các hoạt động y tế dự phòng, dân số và phát triển đều được theo dõi, giám sát hỗ trợ y tế dưới nhiều hình thức (trực tiếp hoặc gián tiếp).

2.2. Chương trình An toàn vệ sinh thực phẩm

- Duy trì không để xảy ra vụ ngộ độc thực phẩm tập thể từ 30 người mắc/vụ trở lên; 100% các vụ ngộ độc được điều tra, xử lý kịp thời.

- Tăng tỷ lệ người sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, người quản lý và người tiêu dùng có kiến thức và thực hành đúng về an toàn thực phẩm lên 90%.

- Tăng lý lẽ cơ sở sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm đạt điều kiện an toàn thực phẩm lên 90%.

2.3. Chương trình Dân số và phát triển

- Phần đầu đạt và duy trì mức sinh thay thế (bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có 2,1 con). Quy mô dân số ước đạt 35.026 người (tỷ lệ tăng dân số hàng năm dưới 1%).

- Phần đầu đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, duy trì cơ cấu tuổi ở mức hợp lý (tỷ số giới tính khi sinh dưới 110 bé trai/100 bé gái sinh ra sống).

- Nâng cao chất lượng dân số, 50% nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, giảm 50% số cặp tảo hôn và số cặp hôn nhân cận huyết thống, 40% phụ nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 60% trẻ sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

- Củng cố, nâng cao chất lượng kho dữ liệu điện tử về dân số. Thực hiện lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện. 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn huyện.

- Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh, bền vững. Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm; chương trình về chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả chăm sóc SKSS, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm)... hiện có.

- Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Phần đầu đạt 100% chỉ tiêu giao cấp phương tiện tránh thai cho đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo gia đình chính sách.

III. PHẠM VI, QUY MÔ, ĐỐI TƯỢNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi và quy mô

Các hoạt động chủ yếu của một số nhóm nhiệm vụ hoạt động thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số được triển khai và thực hiện tại 14/14 xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bạch Thông.

2. Đối tượng thụ hưởng

Tất cả mọi người dân sinh sống, làm việc và tham gia lao động sản xuất trên địa bàn huyện, ưu tiên các đối tượng: trẻ em, phụ nữ có thai, người cao tuổi, gia đình thuộc hộ nghèo và cận nghèo, gia đình chính sách, người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

3. Đối tượng thực hiện

Các đơn vị thực hiện một số nhóm nhiệm vụ hoạt động thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số thuộc ngành y tế và các đơn vị có liên quan.

4. Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2021-2025.

IV. CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHỦ YẾU

1. Công tác quản lý, chỉ đạo

- Tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền các cấp trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân; đưa các chỉ tiêu về y tế - dân số vào nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương và được ưu tiên đầu tư từ ngân sách địa phương, bảo đảm sử dụng có hiệu quả nguồn ngân sách cấp tỉnh, Trung ương hỗ trợ (nếu có).

- Hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động chi tiết các nhiệm vụ hoạt động thuộc lĩnh vực y tế - dân số giai đoạn 2021-2025 phù hợp với tình hình thực tế của huyện và có tính thực thi cao. Định kỳ có sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện, tìm nguyên nhân tồn tại để có giải pháp khắc phục kịp thời.

2. Củng cố, kiện toàn hệ thống y tế

- Tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh chủ động, phát triển hệ thống cảnh báo sớm, đáp ứng nhanh, chủ động giám sát dịch tễ, khống chế dịch bệnh kịp thời, không để dịch lớn xảy ra, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm.

- Củng cố, nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng và tăng cường năng lực kiểm soát các yếu tố nguy cơ, hạn chế gia tăng tỷ lệ người tiền bệnh, mắc bệnh, tàn tật và tử vong do bệnh không lây nhiễm. Mở rộng triển khai hoạt động phát hiện sớm, dự phòng, quản lý bệnh không lây nhiễm tại trạm y tế xã và tại cộng đồng.

- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống y tế, đặc biệt là y tế cơ sở. Triển khai thực hiện hiệu quả các nội dung hoạt động thuộc Chương trình Y tế - Dân số, Bộ tiêu chí Quốc gia về y tế xã gắn với việc xây dựng nông thôn mới.

3. Công tác thông tin tuyên truyền

- Đẩy mạnh truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và chương trình y tế - dân số; nâng cao nhận thức và kỹ năng cho người dân có kiến thức cơ bản, chủ động phòng bệnh, bảo vệ và nâng cao sức khỏe, thay đổi các lối sống, tập quán có hại cho sức khỏe.

- Nâng cao năng lực truyền thông giáo dục sức khỏe các tuyến. Tập huấn, bồi dưỡng về kiến thức và kỹ năng truyền thông giáo dục sức khỏe cho các truyền thông

viên, cán bộ y tế xã và y tế thôn bản. Đổi mới nội dung, phương pháp truyền thông giáo dục sức khỏe, chú trọng vào truyền thông trực tiếp tại hộ gia đình thông qua mạng lưới nhân viên y tế thôn bản, kết hợp giữa hình thức truyền thông trực tiếp, gián tiếp, vận động xã hội cùng tham gia; tiếp tục hướng hoạt động truyền thông đến các vùng đồng bào dân tộc thiểu số có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, còn hạn chế về việc tiếp cận với các loại kênh thông tin; lồng ghép hiệu quả hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe tại cộng đồng trong các hoạt động y tế nhằm huy động cộng đồng tích cực tham gia. Phát triển các mô hình truyền thông có hiệu quả tại cộng đồng phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tiễn.

4. Công tác đào tạo nâng cao năng lực

Tập huấn, đào tạo chuyên sâu, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác dự phòng, dân số và phát triển tại các đơn vị, đặc biệt là cán bộ trực tiếp làm công tác chuyên môn và quản lý tại các Trung tâm Y tế và Trạm Y tế, đội ngũ cán bộ y tế thôn bản.

5. Tài chính và hậu cần

- Chủ động lồng ghép nguồn kinh phí hoạt động với các Chương trình, Dự án khác tại địa phương, huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp để phân đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. Quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí đảm bảo đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ, kịp thời danh mục, số lượng, chủng loại trang thiết bị, thuốc, phương tiện, vật tư, hóa chất, sinh phẩm... phục vụ các hoạt động theo kế hoạch.

6. Công tác phối hợp liên ngành

Nâng cao hiệu quả phối hợp, lồng ghép giữa ngành Y tế với các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện góp phần bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu đã đề ra. Đặc biệt phối hợp triển khai tốt các can thiệp tại cộng đồng về phòng chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số và phát triển.

7. Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ chuyên môn

Thường xuyên tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn theo phân tuyến; tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện theo đúng quy định.

VI. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ, hỗ trợ cho huyện.
2. Nguồn kinh phí lồng ghép trong triển khai các chương trình, đề án, dự án có liên quan, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện.
3. Nguồn ngân sách địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.
4. Nguồn huy động xã hội hóa.

5. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung tâm Y tế

- Chủ trì, phối hợp với các ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn xây dựng và phê duyệt kế hoạch hoạt động hàng năm; tổ chức triển khai, hướng dẫn và đánh giá các nội dung của kế hoạch trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

- Tổng hợp và đề xuất kinh phí hàng năm trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện kế hoạch này và tổng hợp báo cáo Sở Y tế, Ủy ban nhân dân huyện theo quy định.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Tham mưu, chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung về công tác an toàn vệ sinh thực phẩm thuộc phạm vi ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý trong việc triển khai kế hoạch này và phối hợp thực hiện các nội dung có liên quan.

3. Phòng Giáo dục và Đào tạo

Phối hợp với Trung tâm Y tế chỉ đạo, tổ chức thực hiện tuyên truyền giáo dục sức khỏe về công tác y tế trường học, chăm sóc sức khỏe sinh sản vị thành niên/thanh niên, phòng chống một số bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm và các bệnh liên quan đến môi trường, lối sống.... trong các trường học.

6. Phòng Tài chính- Kế hoạch

Căn cứ khả năng cân đối ngân sách của huyện, nguồn cấp trên bổ sung cho huyện và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các nội dung của Kế hoạch.

7. Phòng Văn hóa và Thông tin

Phối hợp với Trung tâm Y tế và các đơn vị liên quan chỉ đạo, định hướng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về phòng chống dịch bệnh, khám và điều trị các bệnh lây nhiễm, không lây nhiễm, an toàn vệ sinh thực phẩm, dân số và phát triển...

8. Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông

Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế - dân số góp phần nâng cao nhận thức của người dân, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành, làm thay đổi nhận thức, chuyển đổi hành vi về nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới.

9. UBND các xã, thị trấn

- Bố trí kinh phí tổ chức thực hiện các nội dung kế hoạch này trên địa bàn.

- Lòng ghép thực hiện các nội dung thuộc lĩnh vực y tế - dân số vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

10. Các phòng, ban, ngành, đơn vị liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động phối hợp với ngành y tế tổ chức triển khai thực hiện các nội dung kế hoạch đảm bảo tiến độ, hiệu quả, đúng quy định.

11. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện và các tổ chức hội, đoàn thể:

Phối hợp với Trung tâm Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức tuyên truyền, triển khai các hoạt động thuộc lĩnh vực y tế - dân số, lòng ghép với các hoạt động của cơ quan, đơn vị hợp lý, hiệu quả.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện một số nhóm nhiệm vụ hoạt động chủ yếu thuộc lĩnh vực y tế - dân số trên địa bàn huyện Bạch Thông giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc đề nghị các đơn vị thông tin, phối hợp với Trung tâm Y tế để tổng hợp, tham mưu điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- TT HU, HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị tại mục VII Kế hoạch;
- LĐVP HĐND&UBND huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, THVX-YT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Duy Luân